

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – MÔN TIẾNG ANH
 (Năm học: 2022-2023)

LỚP 10 (30 CÂU TRẮC NGHIỆM – 20 CÂU TỰ LUẬN)

CHUYÊN ĐỀ	KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ CÂU HỎI						TỔNG SỐ CÂU	
		Nhận biết - Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
PRONUNCIATION	Phát âm "-s/-es"	1						1	
	Nguyên âm			1				1	
STRESS	Trọng âm từ có 2 hoặc 3 âm tiết	1		1				2	
GRAMMAR	Verb tenses		3		1		1		5
	Verb forms		3		1		1		5
	Passive voice	1		1				2	
	Reported Speech	1		1				2	
	Phrasal verbs (Keep / Back)	1		2				3	
VOCABULARY (NEW WAYS TO LEARN - TECHNOLOGY)	Collocations			1				1	
	Word forms		3		2				5
	Synonym	1		1				2	
	Antonym	1						2	
SPEAKING	Common spoken expressions	1						1	
READING (NEW WAYS TO LEARN - TECHNOLOGY)	Conjunction	1						1	
	Prepositions	1		1				2	
	Relative words	1						1	
	Synonym			1				1	
	Word choice	1						1	
	Inference	1		1				2	
	Comprehension	3		2				5	
WRITING (Sentence transformation)	Passive voice		1						1
	Verb tenses		1						1
	Verb forms				1				1
	Reported Speech		1						1
	Phrasal verbs (Keep/ Back)		1						1
TỔNG CỘNG								30 (6Đ)	20 (4Đ)

LỚP 11 (30 CÂU TRẮC NGHIỆM – 20 CÂU TỰ LUẬN)

CHUYÊN ĐỀ	KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ CÂU HỎI						TỔNG SỐ CÂU	
		Nhận biết - Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
PRONUNCIATION	Phát âm "-ed"	1						1	
	Phụ âm			1				1	
STRESS	Trọng âm từ có 2 hoặc 3 âm tiết	1		1				2	
GRAMMAR	Verb tenses		1		2		1		5
	Verb forms				3		2		5
	Cleft sentences	1		1				2	
	Conjunctions (Parallel structures)	1		1				2	
	Question tags	1		1				2	
	Collocations			1				1	
VOCABULARY (ENTERTAINMENTS - TRAVELLING)	Word forms		3		2				5
	Synonym	2		1				3	
	Antonym	1		1				2	
	SPEAKING	Common spoken expressions	1						1
READING (ENTERTAINMENTS - TRAVELLING)	Conjunction	1						1	
	Prepositions	1		1				2	
	Relative words	1						1	
	Synonym			1				1	
	Word choice	1						1	
	Inference	1		1				2	
	Comprehension	3		2				5	
WRITING (Sentence transformation)	Verb tenses						1		1
	Verb forms				1				1
	Cleft sentences				1				1
	Conjunctions (Parallel structures)		1				1		2
TỔNG CỘNG								30 (6Đ)	20 (4Đ)

LỚP 12. (50 CÂU TRẮC NGHIỆM)

	Content	Số câu	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
PHONETICS	Pronunciation of an ending -ed	1	1			
	Pronunciation of an ending-s/-es	1		1		
	Stress of 2-syllable word	1		1		
	Stress of 3-syllable word	1		1		
GRAMMAR	Verb tense	1			1	
	Verb form	1			1	
	Comparison	2		1	1	
	Passive voice	2		1		1
	Phrases and clauses of Time	2	1		1	
	Phrasal verbs	2		1	1	
	Error recognition	3	1	1		1
	Writing (Combination / Transformation)	5	1	2	2	
COMMUNICATION	Utterance - Response	2	1	1		
VOCABULARY (WOMEN IN SOCIETY – INTERNATIONAL ORGANIZATIONS – THE ASIAN GAMES)	Synonym	2		1		1
	Antonym	2		1	1	
	Word forms	3	1	1		1
	Collocations	2	1		1	
READING COMPREHENSION (WOMEN IN SOCIETY – INTERNATIONAL ORGANIZATIONS – THE ASIAN GAMES)	Main idea/ Best title	1		1		
	Specific information	2		1	1	
	Inference information	2		2		
	True – Not true	2		2		
	Vocabulary	3	1	1		1
	Restatement	2	1	1		
CLOZE READING	Conjunction	1	1			
	Relative words	1		1		
	Word choice	1		1		
	Quantifiers	1		1		
	Phrasal verbs	1		1		
TỔNG CỘNG		50	10	25	10	5